TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 06 tháng 10 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Phan Đình Xiềng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Bùi Nhứt V – Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số H, đường V, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G (Ngân hàng) có cho ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3258/HĐTD ngày 25/6/2014 như sau: Số tiền vay là 40.000.000 đồng; mục đích vay là chăm sóc cà phê và mua vật dụng gia đình; thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 25/6/2014 đến ngày 25/6/2015; lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi 06 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ. Ông T và bà N vay tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T và bà N không trả cho Ngân hàng được khoản tiền gốc và tiền lãi nào mặc dù Ngân hàng đã thực hiện nhiều biện pháp đôn đốc khách hàng trả nợ nên đến ngày 26/6/2015, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 06/10/2023 là 99.895.000 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 55.458.333 đồng, nợ lãi

trong hạn là 4.436.667 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bảng kê tính lãi; Hợp đồng tín dụng số 3258/HĐTD ngày 25/6/2014; Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sổ giao dịch tiền vay; Chứng từ giao dịch; Quyết định ban hành Điều lệ và Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ; Biên bản xác minh ngày 22/5/2023.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Về thời hiệu khởi kiện, các đương sự không ai có yêu cầu về áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 3258/HĐTD ngày 25/6/2014 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo các hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 06/10/2023 là 99.895.000

đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 55.458.333 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.436.667 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3258/HĐTD ngày 25/6/2014 tính đến ngày 06/10/2023 là 99.895.000 đồng (chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 55.458.333 đồng (năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn là 4.436.667 đồng (bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Buộc ông Trần Thanh T và bà Phạm Thị N phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.994.750 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.572.178 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008886 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng

mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính